

Số: 1074/QĐ-UBND

An Giang, ngày 24 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn Nghị định 91/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 66/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động, quản lý, vận hành Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch Tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch “Phát động thi đua trong thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban dân nhân tỉnh, Giám Đốc Sở Nội vụ (Ban Thi đua-Khen thưởng), Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, Phòng, ban, trung tâm;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH(Huy).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022

*(Kèm theo Quyết định số 1074/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang)*

Nhằm tổ chức phong trào thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) An Giang xây dựng Kế hoạch “Phát động thi đua trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022”, với các nội dung trọng tâm sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Phát huy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, đặc biệt là các hoạt động rà soát quy định thủ tục hành chính nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoặc liên thông thực hiện thủ tục hành chính nhằm góp phần thực hiện công cuộc cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay.

- Phát hiện kịp thời những cách làm hay, tác động tích cực đến mức độ hài lòng của người dân về chất lượng tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên cơ sở kế hoạch tổ chức và hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đảm bảo thủ tục hành chính được cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả các cấp và trên môi trường điện tử (Cổng DVCTT) thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương được kiểm soát về nghiệp vụ; Qua đó tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phong trào thi đua phải được triển khai với những việc làm thiết thực, cụ thể, tránh hình thức, phô trương, lãng phí.

II. ĐỐI TƯỢNG

1. Tập thể

Tập thể các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn.

2. Cá nhân

Cán bộ, công chức có thành tích trong thực hiện thủ tục hành chính, hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

III. TIÊU CHÍ THI ĐUA, HÌNH THỨC, SỐ LƯỢNG KHEN THƯỞNG, THỜI GIAN PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

1. Tiêu chí chấm điểm thi đua: Phụ lục kèm theo Kế hoạch này

2. Hình thức và số lượng khen thưởng:

a) Bằng khen UBND tỉnh cho 11 tập thể;

b) Bằng khen UBND tỉnh cho 11 cá nhân;

c) Khen thưởng đột xuất (nếu có): Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Đoàn Kiểm tra KSTTHC đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích nổi bật.

3. Thời gian phát động thi đua: Từ 01/01/2022 đến 15/12/2022.

IV. MỨC CHI VÀ NGUỒN KINH PHÍ KHEN THƯỞNG

1. Mức khen thưởng: theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn Nghị định 91/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật thi đua, khen thưởng.

2. Kinh phí: Nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh năm 2022.

V. THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

1. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng (02 bộ)

- Văn bản đề nghị xét khen thưởng kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

- Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, địa phương.

- Bảng tự đánh giá, chấm điểm thi đua kiểm soát thủ tục hành chính theo Phụ lục.

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

2. Trình tự đề nghị khen thưởng

Tập thể, cá nhân lập hồ sơ khen thưởng hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính gửi về Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Tổng hợp).

*** Lưu ý:**

- Các cơ quan, địa phương đề nghị khen thưởng cho tập thể và cá nhân phải thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của cơ quan, địa phương xét duyệt.

- Kết quả thi đua của cơ quan, địa phương căn cứ vào kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua nêu tại mục 1, phần III kế hoạch này.

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tự chấm điểm thi đua kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 (theo Phụ lục) trên cơ sở các tiêu chí chấm điểm thi đua và kết quả cơ quan, địa phương đã thực hiện. Kết quả tự chấm điểm của tập thể các cơ quan, địa phương đề nghị khen thưởng phải gửi kèm tài liệu kiểm chứng (báo cáo, kế hoạch, quyết định ...), nếu không có tài liệu kiểm chứng thì giải thích lý do chấm điểm.

- Các hồ sơ đề nghị khen thưởng không đầy đủ hoặc gửi trễ thời gian quy định không được xem xét.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh

- Tổ chức triển khai kế hoạch này đến các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và cán bộ, công chức trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp hồ sơ khen thưởng, thông qua Hội đồng Thi đua, khen thưởng UBND tỉnh cho ý kiến đối với tập thể, cá nhân được đề xuất; phối hợp Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng tỉnh) trình UBND tỉnh xem xét và quyết định những tập thể, cá nhân đạt thành tích trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022.

2. Sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố: Ban hành Kế hoạch Phát động thi đua trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 nhằm góp phần nâng cao hiệu quả. Kinh phí khen thưởng từ nguồn kinh phí đã được cấp cho đơn vị.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu còn khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ về Văn phòng UBND tỉnh (Phòng Tổng hợp) để được hướng dẫn kịp thời./.

PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch Phát động thi đua trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022)

A. CẤP TỈNH

Ghi chú: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh không tính 03 điểm tại Stt 13;

Cấp tỉnh: Điểm chuẩn 100 điểm; **Cơ quan ngành dọc:** điểm chuẩn 103 điểm (Trong đó có 1 điểm cộng do Văn phòng UBND tỉnh đánh giá).

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I		VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KSTTHC			
1	1	<i>Việc ban hành các Kế hoạch: KH hoạt động kiểm soát TTHC; KH rà soát, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính; Kế hoạch tuyên truyền;...</i>			
		Trước ngày 10/3/2021	2		
		Sau ngày 10/3/2021	0		
2	2	<i>Thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính</i>			
		Thực hiện đầy đủ	2		
		Thực hiện không đầy đủ	0		
3	3	<i>Kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh trong năm (Văn phòng UBND tỉnh đánh giá)</i>	1		
		Điểm tự chấm của các đơn vị (sau đánh giá) từ 95-98 điểm thì được cộng 1 điểm			
		Điểm tự chấm của các đơn vị (sau đánh giá) từ 92-95 điểm thì được cộng 0.5 điểm			
II		KIỂM SOÁT QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)			
1	4	<i>Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền</i>			
		Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền	1		
		Có TTHC ban hành trái thẩm quyền	0		
2	5	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC</i>			
		100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
		Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
III		CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC			
1	6	<i>Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh</i>			
		Đúng quy định	5		
		Không đúng quy định	0		
2	7	<i>Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố</i>			

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
		Đúng quy định (sau 3 ngày kể từ ngày ký ban hành)	5		
		Không đúng quy định	0		
3	8	Công bố quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của đơn vị			
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố	3		
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đã được công bố	3		
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được công bố	3		
		Công bố dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý	0		
4	9	Cập nhật quy trình nội bộ sang quy trình điện tử trên Cổng DVCTT của tỉnh			
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đã được công bố	4		
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đã được công bố	4		
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã đã được công bố	4		
		Dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý	0		
5	10	Công khai đầy đủ nội dung TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng DVC của tỉnh			
		Công khai đầy đủ 100% (cập nhật kịp thời các thành phần cấu tạo của 1 TTHC)	2		
		Công khai dưới 100%	0		
6	11	Biên soạn nội dung chi tiết TTHC cấp huyện, cấp xã gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp			
		Đầy đủ	2		
		Chưa đầy đủ	0		
IV		TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ VÀ CÔNG KHAI TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG)			
1	12	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa đúng theo danh mục đã ban hành			
		Đầy đủ 100%	2		
		Chưa đầy đủ	0		
2	13	TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt Lưu ý: Đối với các ngành cấp không có TTHC được giao tại thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận 1 cửa các cấp sẽ đạt 50% điểm tối đa.			
		Đầy đủ 100%	3		
		Chưa đầy đủ	0		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
3	14	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp Lưu ý: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp sẽ đạt 50% điểm tối đa.			
		Từ 05 TTHC hoặc nhóm TTHC	4		
		Dưới 05 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		
4	15	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền Lưu ý: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền sẽ đạt 50% điểm tối đa			
		Từ 6 TTHC hoặc nhóm TTHC	4		
		Dưới 6 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		
5	16	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh			
		Công khai đầy đủ 100%	4		
		Công khai dưới 100%	0		
6	17	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia vận hành đầy đủ quy trình giải quyết TTHC trên Cổng DVC tỉnh (thông tin được đồng bộ về Cổng DVC quốc gia)			
		Đầy đủ	3		
		Chưa đầy đủ	0		
7	18	Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính Lưu ý: Đối với các lĩnh vực đặc thù, chưa thể số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC sẽ đạt 50% điểm tối đa			
		Số hóa 100% (từ ngày 01/6/2022)	5		
		Số hóa dưới 100%	0		
8	19	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính			
		Từ 5 - 10 TTHC trở lên	5		
		Dưới 5 TTHC	0		
9	20	Rà soát, trình công bố danh mục thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (DVC mức độ 3,4)			
		Cung cấp đủ 100% TTHC đủ điều kiện	3		
		Cung cấp dưới 100% TTHC đủ điều kiện	0		
10	21	Tích hợp các thủ tục hành chính DVC mức độ 3,4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia			
		Đủ 100% theo danh mục đã được phê duyệt	2		
		Dưới 100% theo danh mục đã được phê duyệt	0		
11	22	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công			
		Từ 30% trở lên	2		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
		Dưới 30%	0		
12	23	<i>Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trên tổng số hồ sơ có phát sinh nghĩa vụ tài chính)</i>			
		Từ 60% trở lên	5		
		Dưới 60%	0		
13	24	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ có thành phần hồ sơ đã thực hiện chứng thực điện tử</i>			
		Từ đủ 15% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm	2		
		Dưới 15% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm	0		
V		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC			
1	25	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (số liệu dựa trên Cổng DVCTT)</i>			
		Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng HS giải quyết (trước hạn + đúng hạn)}}{\text{Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm}} \times 8$	8		
		Dưới 95%	0		
2	26	<i>Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC</i>			
		Đầy đủ 100%	1		
		Dưới 100%	0		
3	27	<i>Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của đơn vị</i>			
		Từ tốt trở lên	1		
		Dưới tốt	0		
VI		TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ĐƠN VỊ			
1	28	<i>Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>			
		Tất cả kiến nghị đã được trả lời, đúng thời gian quy định	1		
		Tất cả kiến nghị đang trả lời	0		
2	29	<i>Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh</i>			
		100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	1		
		Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	0		
VII	30	THỰC HIỆN ĐÚNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Gửi báo cáo đúng hạn	1		
		Gửi báo cáo trễ hạn	0		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
VIII	31	TUYÊN TRUYỀN TRONG HOẠT ĐỘNG KSTTHC, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Clip tuyên truyền (5-7 clip/năm) hoặc Bài viết tuyên truyền (3-5 bài/tháng) đăng tải trên Cổng TTĐT, mạng xã hội	3		
		Clip tuyên truyền dưới (5-7 clip/năm) hoặc Bài viết tuyên truyền dưới (3-5 bài/tháng)	0		
IX	30	SÁNG KIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Có từ 1 đến 3 sáng kiến (có văn bản đăng ký về Văn phòng UBND tỉnh theo dõi và thẩm định cuối năm)	1		
		Không có sáng kiến	0		
TỔNG ĐIỂM			103		

B. CẤP HUYỆN

Ghi chú: Điểm chuẩn là 100 điểm (Trong đó có 2 điểm cộng do Văn phòng UBND tỉnh đánh giá)

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
I		VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KSTTHC			
1	1	<i>Việc ban hành các Kế hoạch: KH hoạt động kiểm soát TTHC; KH rà soát, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính; Kế hoạch tuyên truyền;...</i>			
		Trước ngày 10/3/2021	2		
		Sau ngày 10/3/2021	0		
2	2	<i>Thực hiện các chỉ đạo của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính</i>			
		Thực hiện đầy đủ	2		
		Thực hiện không đầy đủ	0		
3	3	<i>Kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng UBND tỉnh trong năm (Văn phòng UBND tỉnh đánh giá)</i>			
		Điểm tự chấm của các đơn vị (sau đánh giá) từ 96-98 điểm thì được cộng 2 điểm			
		Điểm tự chấm của các đơn vị (sau đánh giá) từ 92-95 điểm thì được cộng 1 điểm			
II		KIỂM SOÁT QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)			
1	4	<i>Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC</i>			
		100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	1		
		Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	0		
III		CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC			
1	5	<i>Tham gia ý kiến với Sở, ban, ngành tỉnh đối với quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của đơn vị</i>			
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	3		
		100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	3		
		Công bố dưới 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý	0		
2	6	<i>Công khai đầy đủ nội dung TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và trên Cổng DVC của tỉnh</i>			
		Công khai đầy đủ 100% (cập nhật kịp thời các thành phần cấu tạo của 1 TTHC)	2		
		Công khai dưới 100%	0		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
IV		TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ VÀ CÔNG KHAI TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIỀN THÔNG)			
1	7	<i>Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa đúng theo danh mục đã ban hành</i>			
		Đầy đủ 100%	5		
		Chưa đầy đủ	0		
2	8	<i>TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt</i>			
		Đầy đủ 100%	5		
		Chưa đầy đủ	0		
3	9	<i>Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp Lưu ý: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp sẽ đạt 50% điểm tối đa.</i>			
		Từ 25 TTHC hoặc nhóm TTHC	4		
		Dưới 25 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		
4	10	<i>Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền Lưu ý: Đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh không có TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền sẽ đạt 50% điểm tối đa</i>			
		Từ 30 TTHC hoặc nhóm TTHC	4		
		Dưới 30 TTHC hoặc nhóm TTHC	0		
5	11	<i>Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh</i>			
		Công khai đầy đủ 100% (cấp huyện, cấp xã)	4		
		Công khai dưới 100%	0		
6	12	<i>Cán bộ, công chức, viên chức tham gia vận hành đầy đủ quy trình giải quyết TTHC trên Cổng DVC tỉnh (thông tin được đồng bộ về Cổng DVC quốc gia)</i>			
		Đầy đủ	5		
		Chưa đầy đủ	0		
7	13	<i>Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính Lưu ý: Đối với các lĩnh vực đặc thù, chưa thể số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC sẽ đạt 50% điểm tối đa</i>			
		Số hóa 100% (từ ngày 01/7/2022 - trong 25 DVC trực tuyến theo đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ)	10		
		Số hóa dưới 100%	0		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
8	14	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính			
		Từ 10-20 TTHC trở lên	3		
		Dưới 10 TTHC	0		
9	15	Phối hợp Sở, ban, ngành tỉnh rà soát, trình công bố danh mục thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (DVC mức độ 3,4)			
		Cung cấp đủ 100% TTHC đủ điều kiện	3		
		Cung cấp dưới 100% TTHC đủ điều kiện	0		
10	16	Phối hợp thực hiện tích hợp các thủ tục hành chính DVC mức độ 3,4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia			
		Đủ 100% theo danh mục đã được phê duyệt	3		
		Dưới 100% theo danh mục đã được phê duyệt	0		
11	17	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công			
		Từ 30% trở lên	5		
		Dưới 30%	0		
12	18	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trên tổng số hồ sơ có phát sinh nghĩa vụ tài chính)			
		Từ 60% trở lên	6		
		Dưới 60%	0		
13	19	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ có thành phần hồ sơ đã thực hiện chứng thực điện tử			
		Từ đủ 15% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm	2		
		Dưới 15% trở lên/tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm	0		
V		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ TTHC			
1	20	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn (số liệu dựa trên Cổng DVCTT)			
		Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\text{Điểm} = \frac{\text{Tổng HS giải quyết (trước hạn + đúng hạn)}}{\text{Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm}} \times 10$	10		
		Dưới 95%	0		
2	21	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC			
		Đầy đủ 100%	4		
		Dưới 100%	0		
3	22	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của đơn vị			
		Từ tốt trở lên	2		

STT		TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Tài liệu kiểm chứng
		Dưới tốt	0		
VI		TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ĐƠN VỊ			
1	23	<i>Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</i>			
		Tất cả kiến nghị đã được trả lời, đúng thời gian quy định	2		
		Tất cả kiến nghị đang trả lời	0		
2	24	<i>Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh</i>			
		100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	1		
		Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định	0		
VII	25	THỰC HIỆN ĐÚNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Gửi báo cáo đúng hạn	2		
		Gửi báo cáo trễ hạn	0		
VIII	26	TUYÊN TRUYỀN TRONG HOẠT ĐỘNG KSTTHC, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Clip tuyên truyền (5-7 clip/năm) hoặc Bài viết tuyên truyền (3-5 bài/tháng) đăng tải trên Cổng TTĐT, mạng xã hội, đài truyền thanh	3		
		Clip tuyên truyền dưới (5-7 clip/năm) hoặc Bài viết tuyên truyền dưới (3-5 bài/tháng)	0		
IX	27	SÁNG KIẾN TRONG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
		Có từ 1 đến 3 sáng kiến (có văn bản đăng ký về Văn phòng UBND tỉnh theo dõi và thẩm định cuối năm)	2		
		Không có sáng kiến	0		
TỔNG ĐIỂM			100		

C. CẤP XÃ

(Đối với UBND cấp xã; Phòng, ban, chuyên môn cấp huyện: UBND cấp huyện xây dựng các tiêu chí thi đua trên cơ sở các tiêu chí của cấp tỉnh, cấp huyện và các văn bản khác có liên quan về kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính)